

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/11/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK14+CTK3+VSP01	7:25	3+4+15	0+0+0		0+7+15	0+0+0	chuyen 1 bk14- ctk3
2		CLO+TGTH5+MRM	7:25	8+7+7	0+0+0		4+4+10	0+0+0	
3		P6+P4	7:25	22+0	0+0		20+1	0+0	
4		TD5+RP2	7:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
5		T.JUNG	7:25	18	0		15	0	
6		P8+P1	9:25	18+4	0+0		18+4	0+0	
7		MRM+PPD	9:25	20+0	0+0		18+3	0+0	
8		AMD+TD3	9:25	21+1	0+0		21+1	0+0	
9		PVD1+TD2	9:25	19+3	0+0		19+3	0+0	
10		▼ P6+MRM	11:25	21+1	0+0		6+12	0+0	
11		P8+BK19+BK21	11:25	10+4+8	0+0+0		6+3+8	0+0+0	chuyen 2 bk19- bk21
12		RP1+VSP01+P11	11:25	4+17+1	0+0+0		0+17+1	0+0+0	
13		AMD+TGTH5+TD5	13:25	16+1+5	0+0+0		10+6+5	0+0+0	
14		PVD1+RP3+BK14	13:25	22+0+0	0+0+0		12+7+3	0+0+0	chuyen 1 pvd1- bk14
15		P9+TTC2+CLO	13:25	10+7+4	0+0+0		5+8+5	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/Đi về trong ngày H5-4ng, TTC1-3 ng, BK14-3ng
2/ CTC1 đi về qua PVD1

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:31
FLIGHT: 01	TO: BK14 - CTK3 - VSP01	CREW: TUYỀN - ĐNam - NNam	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC ANH TUẤN	BK14					70	D-HANH	Vietnamese
2	TRƯƠNG ANH TỰ	BK14					72	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN TIẾN LŨ	BK14	70	1	5		70	NIPI	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN ANH	CTK3	51-52	2	12		56	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN TUẤN ĐẠT	CTK3	49	1	10		90	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH PHONG	CTK3	53	1	7		70	BA SON	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH MINH	CTK3	50	1	5		65	BA SON	Vietnamese
8	BORVINKY	VSP01	86	1	5		78	KH-THAC	Russian
9	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
10	HUỲNH KIM KHÁNH	VSP01	84-85	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRỊNH TIẾN BÌNH	VSP01	78	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	76	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NAM SINH	VSP01	77	1	5	40	75	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG TRỌNG CHUNG	VSP01	81-83	3	7		65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HOÀNG THANH	VSP01	75	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG NAM	VSP01	79-80	2	15		85	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN CHÂU	VSP01	70	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH TUNG	VSP01	71	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN THUY	VSP01	73	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGO QUANG HUNG	VSP01	72	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN VĂN TRƯỞNG	VSP01	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	HOÀNG PHÚC LƯƠNG	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	3	1	5	212	0	0	4	CHUYEN 01 PAX TU BK14 SANG CTK3
2	CTK3	4	5	34	281	0	7	ANB	THAY CA CTK3 TRAN XUAN PHUC
3	VSP01	15	17	86	1.071	40	15		1 NBV6
TOTAL		22	23	125	1.564	40	22		
WEIGHT KG				125	1.564	40			

GRAND TOAL: 1.729 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/11/2022	TO: CLO - TGTH5 - MRM	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VTHU - ĐỨC - DSon	ETA: 09:40
NAU-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAI ANH TUAN	CLO	50	1	18	30	97	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN KHAC QUOC	CLO	53	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM VAN KHUONG	CLO	51	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NHAT THANH	CLO	52	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH LOC	CLO	54	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐAO TRUNG KIEN	CLO	48	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
7	TRINH HOANG NGUYEN	CLO	49	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
8	KRAMARENKO V.V.	CLO					80	KH-THAC	Russian
9	BUI NGOC HUY	TGTH5	41	1	3		75	TEKA	Vietnamese
10	NGUYEN HUU LUAT	TGTH5	45	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	LE VAN TU	TGTH5	44	1	9		61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DINH CU	TGTH5	42-43	2	20		63	KH-THAC	Vietnamese
13	VU MINH PHUONG	TGTH5	40	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN CHI THIEN	TGTH5	46	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
15	OLESHKEVICH DMITRII	MRM	83	1	12	60	105	AMNGR	Russian
16	KARNIUKHIN VITALII	MRM	66	1	13		69	AMNGR	Russian
17	KOTIKOV ALEXEY	MRM	65	1	15		105	AMNGR	Russian
18	SEMENOV VASILII	MRM	67,82	2	16		70	AMNGR	Russian
19	LE MINH PHAT	MRM	64,84	2	12		56	AMNGR	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN ANH	MRM	85	1	11		79	AMNGR	Vietnamese
21	NGUYEN HOANG LONG	MRM	81	1	11		84	KHOAN	Vietnamese
22	LE QUANG TAO	MRM	86-87	2	16		63	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	8	7	53	585	30	4		
2	TGTH5	6	7	43	404	0	4		
3	MRM	8	11	106	631	60	10		
TOTAL		22	25	202	1.620	90	18		
WEIGHT KG				202	1.620	90			

GRAND TOAL: 1.912 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

P/C Cánh đầu gót

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: P6 - P4	CREW: TTrung - VLinh - Huy	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHERNIAVSKIY D S	P6	58	1	5	40	115	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN TIEN HUY	P6	55	1	12		85	KH-THAC	Vietnamese
3	DO XUAN HAU	P6					72	GETRACO	Vietnamese
4	NGUYEN VIET BUNG	P6	98	1	5		50	GETRACO	Vietnamese
5	PIATOV S.V	P6	49	1	9		94	KH-THAC	Russian
6	LE DAI THANH	P6	56	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH HUY	P6	95	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
8	THAI TRONG BINH	P6	94	1	12		81	KH-THAC	Vietnamese
9	VU VAN HOAN	P6	43	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HUU NHAN	P6	99	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN HUY THAI	P6	46	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
12	DO VAN TUNG	P6	48	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG THỌ TAM	P6	57	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
14	PHUONG VAN MINH	P6	47	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG THAI ANH	P6	97	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM NGOC QUY	P6	96	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
17	DUONG VAN CUONG	P6	54	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
18	LE QUANG MINH	P6					80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG KHOA	P6	50-51	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG TIEN DUNG	P6	52	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN XUAN KHANH	P6	53	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG TRONG PHUC	P6	02	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

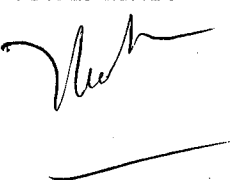
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	22	21	139	1.643	40	20		
2	P4	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	21	139	1.643	40	21		
WEIGHT KG				139	1.643	40			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

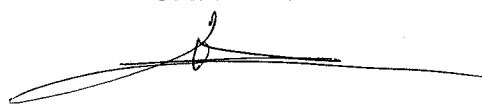
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/11/2022	TO: TD5 - RP2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VThắng - N.ANH - THỤ -	ETA: 09:30
VANG-1		Thành	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN DUY	TD5	39-40	2	20		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	46	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG VAN KHAI	TD5	500	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
4	LE ANH NGUYỄN	TD5	93	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
5	ĐAO QUANG MINH	TD5	94	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	PEREKRESTOV	TD5	96	1	5		105	D-HANH	Russian
7	STAZHINCKY	TD5	52-53	2	10		100	D-HANH	Russian
8	GILEMKHANOV	TD5	54	1	7		83	KHOAN	Russian
9	GASUKHA	TD5	98	1	7		95	D-HANH	Russian
10	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	99	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
11	LE TIEN DUNG	TD5	92	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH TUÊ	TD5	43	1	5	110	55	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	56	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
14	TÔ THANH HÙNG	TD5	42	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN ANH	TD5	38	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN CAO KHÁNH	TD5	95	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
17	ĐOÀN CAO DANH	TD5	47-48	2	5		63	KHOAN	Vietnamese
18	ĐINH ĐỨC KIẾN	TD5	49	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN PHÁT	TD5	36	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	TD5					75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM TRẦN TUẤN AN	TD5	41	1	14		84	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH HẢI	TD5	97	1	20		83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	24	160	1.639	110	20		
2	RP2	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	24	160	1.639	110	22		
WEIGHT KG				160	1.639	110			

GRAND TOAL: 1.909 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:30
FLIGHT: 05	TO: T.UNG	CREW: CÔNG - NKính	ETA: 10:40
TRANG-1A			

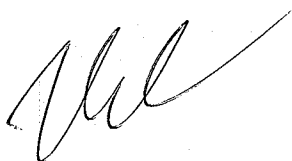
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC HIẾU	T.UNG	14	1	9		68	PVEP ITC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	T.UNG					69	PVEP ITC	Vietnamese
3	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	11	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	T.UNG	08	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ANH TUẤN	T.UNG	10	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN MINH TÂM	T.UNG	09	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	04	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ XUÂN ĐẠT	T.UNG	13	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN CƯỜNG	T.UNG					72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY DU	T.UNG	07	1	5		94	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐÀN	T.UNG					65	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI TRỌNG HUNG	T.UNG	12	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÀO DUY TỬ	T.UNG	05	1	5	35	60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN HAI	T.UNG	15-16	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ KHÁC PHÚ	T.UNG	01-02	2	12		80	CODIEN	Vietnamese
17	HỒ CHIẾN THẮNG	T.UNG	03	1	9		60	CODIEN	Vietnamese
18	PHẠM XUÂN HAI	T.UNG	06	1	12		75	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	18	16	108	1.283	35	15		
	TOTAL	18	16	108	1.283	35	15		
	WEIGHT KG			108	1.283	35			

GRAND TOAL: 1.426 KGS

VSP REP.



VNHS REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/11/2022	TO: P8 - P1	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:05
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: VTHU - ĐỨC - D Sơn	ETA: 11:55
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAZAREV	P8	83	1	5		87	KH-THAC	Russian
2	TRẦN VĂN QUẾ	P8	91-92	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM MINH DƯƠNG	P8	84	1	3		87	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẠO NGUYỄN HÙNG	P8	89	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P8	97-98	2	11		71	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẠO TIẾN ĐẠT	P8	94-95	2	18		73	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM TÚ ANH	P8	85	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG NAM HAI	P8	87	1	7		89	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	P8					87	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN THANH NAM	P8	96	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VINH DŨNG	P8	82	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRI HÙNG	P8	80	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUANG HUY	P8	90	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRONG HÓA	P8	86	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P8	88	1	7		118	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN KHIÊM HIỆU	P8	93	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRƯƠNG VĂN TÙNG	P8	81	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN ĐỨC	P1	58	1	13		78	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN NGHỊ	P1	90	1	14		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC TRI	P1	57	1	9	90	72	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ THANH BÌNH	P1	87	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	17	19	112	1.303	0	18		
2	P1	4	4	44	283	90	4		
TOTAL		21	23	156	1.586	90	22		
WEIGHT KG				156	1.586	90			

GRAND TOAL: 1.832 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	TO: MRM - PPD	CREW: TUYỀN - ĐNam - NNam	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MOLODYKH MIKHAIL	MRM	36	1	7		80	AMNGR	Russian
2	ZHURAVLEV ANATOLII	MRM	34	1	14		72	AMNGR	Russian
3	ZHIGALO ARTUR	MRM	23-24	2	17		80	AMNGR	Russian
4	BARILENKO ALEKSANDR	MRM	33	1	12		126	AMNGR	Russian
5	SACHOK VALERII	MRM	25	1	11		86	AMNGR	Russian
6	KRASNOV ARTEM	MRM	17-18	2	17		77	AMNGR	Russian
7	LYAKHNOVICH LEONID	MRM	14	1	10		85	AMNGR	Russian
8	SIDORENKO ANDREY	MRM	21-22	2	13		87	AMNGR	Russian
9	FILATOV SERGEY	MRM	16	1	15		112	AMNGR	Russian
10	KADATOV MIKHAIL	MRM	31	1	14		74	AMNGR	Russian
11	DUBOGRAEV MIKHAIL	MRM	15	1	12		79	AMNGR	Russian
12	CHAGOVETS ALEKSANDR	MRM	35	1	10		83	AMNGR	Russian
13	CHERNIATIEV KIRILL	MRM	19-20	2	16		75	AMNGR	Russian
14	SHEKOLDIN DENIS	MRM	26-27	2	14		96	AMNGR	Russian
15	RUSLEV SEMEN	MRM	37	1	15		115	AMNGR	Russian
16	NGUYEN VAN LINH	MRM	12-13	2	18		65	DVL	Vietnamese
17	GRIGOREV ALEKSANDR	MRM	30	1	13		67	AMNGR	Russian
18	BOYCHUK VALERY	MRM	32	1	10		72	AMNGR	Russian
19	ZAKHAROV ALEKSEI	MRM	28-29	2	19		75	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	19	26	257	1.606	0	18		
2	PPD	0	0	0	0	32	3		
TOTAL		19	26	257	1.606	32	21		
WEIGHT KG				257	1.606	32			

GRAND TOAL: 1.895 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/11/2022	TO: AMD - TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: TTrung - VLinH - Huy	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HỮU ĐĂNG	AMD	62	1	8	55	86	KH-THAC	Vietnamese
2	TÀNG XUÂN HAI	AMD	68	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN LAM	AMD	60-61	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TÂN ANH ĐỨC	AMD	58-59	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VŨ BA LINH	AMD	02,84	2	15		73	HLJOC	Vietnamese
6	TRẦN BÍCH NGỌC	AMD	56-57	2	11		65	TLJOC	Vietnamese
7	HỒ ANH QUỐC	AMD	63-65	3	12		70	KH-THAC	Vietnamese
8	DUYÊN CHÍ PHONG	AMD	75	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH DŨNG	AMD	74	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ANH MINH	AMD	73	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN QUANG	AMD	67	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN THUẬN	AMD	72	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC TRUNG	AMD	70-71	2	8		59	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN DÂN	AMD	83	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG MINH ĐỨC	AMD	66	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC LANG	AMD	90-91	2	15		61	THIEN PHU	Vietnamese
17	NGUYỄN HUỆ	AMD	78-79	2	15		54	THIEN PHU	Vietnamese
18	TRẦN VĂN CHÍNH	AMD	85	1	5		70	HLJOC	Vietnamese
19	PHẠM THANH TRUNG	AMD	76-77	2	12		65	HLJOC	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT HUY	AMD	80-82	3	18		74	HLJOC	Vietnamese
21	HOANG VĂN SAU	AMD	69	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ANH TIEN	TD3	02	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
23	HA HUU THAI	TD3	03-04	2	16		66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	21	33	191	1.411	55	20		1 PAX NGOI GHE PHU
2	TD3	2	3	26	131	0	2		
TOTAL		23	36	217	1.542	55	22		
WEIGHT KG				217	1.542	55			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/11/2022	TO: PVD1 - TD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 10:00
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: VThắng - N.ANH - THỤ -	ETA: 11:50
VANG-2		Thành	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ANH TU	PVD1	27	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC CONG	PVD1	08	1	5		70	PVDO	Vietnamese
3	PHAN NGOC TUU	PVD1	22	1	10		60	PVDO	Vietnamese
4	TRAN DUC CUONG	PVD1	07	1	7		65	PVDO	Vietnamese
5	DO VAN BIEN	PVD1	23	1	5		75	PVDO	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN PHUC	PVD1	25	1	5		72	PVDO	Vietnamese
7	PHAN DUC THIEN	PVD1	25	1	5		68	PVDO	Vietnamese
8	LUU VAN MANH	PVD1	24	1	5		60	PVDO	Vietnamese
9	PHAM QUYET THANG	PVD1	14-15	2	15		67	PVDO	Vietnamese
10	TRAN VAN NGHIA	PVD1	26	1	5		60	PVDO	Vietnamese
11	NGUYEN THANH NHAN	PVD1	18	1	5		68	PVDO	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THE	PVD1	16	1	5		70	PVDO	Vietnamese
13	NGUYEN BA TUAN	PVD1	06	1	5	80	70	PVDO	Vietnamese
14	TRIEU THANH DONG	PVD1	19	1	5		60	PVDO	Vietnamese
15	Dinh Quang Truong	PVD1	21	1	5		70	PVDO	Vietnamese
16	NGUYEN HUU TUNG	PVD1					72	PVDO	Vietnamese
17	NGUYEN ANH DUNG	PVD1	09	1	5		70	PVDO	Vietnamese
18	NGUYEN VAN CHUONG	PVD1	17	1	5		85	PVDO	Vietnamese
19	VO VAN DINH	PVD1	20	1	5		70	PVDO	Vietnamese
20	DINH QUANG CHIEN	TD2	37	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TINH	TD2	39	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
22	NGO VAN SON	TD2	38	1	10		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	19	19	107	1.302	80	19		
2	TD2	3	3	20	210	0	3		
TOTAL		22	22	127	1.512	80	22		
WEIGHT KG				127	1.512	80			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:00
FLIGHT: 10	TO: P6 - P5 - MRM	CREW: HUNG - XTrường - Toan	ETA: 13:50
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO VĂN TUÔI	P6	71-72	2	16		68	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ VĂN BAY	P6	26,28	2	22		55	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN TUẤN VIỆT	P6	33-34	2	21		60	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN HUY GIANG	P6	65	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
5	QUẦN VĂN KHANH	P6	70	1	14		71	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI NGOC TUAN	P6	31-32	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM TIẾN SY	P6	63-64	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
8	CAO VĂN HUYỀN	P6	68-69	2	13		75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGÔ LAI THÍCH	P6	61-62	2	24		71	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM THANH NAM	P6	27	1	20	15	71	XAYLAP	Vietnamese
11	DINH QUOC TRUONG	P6	67	1	5		72	GETRACO	Vietnamese
12	VU MINH ĐỨC	P6	42	1	4		61	GETRACO	Vietnamese
13	LÊ VĂN HẠN	P6	35	1	6		60	GETRACO	Vietnamese
14	NGUYỄN NGÔ HOÀN	P6	40-41	2	11		65	YTE	Vietnamese
15	VĂN NGỌC TÂM	P6	36-37	2	15		62	DUY LINH	Vietnamese
16	VŨ VĂN THANH	P6	29-30	2	15		55	DUY LINH	Vietnamese
17	NGUYỄN TÂN VƯƠNG	P6	38-39	2	11		73	DUY LINH	Vietnamese
18	ĐẶNG NGUYỄN PHƯƠNG VŨ	P6					90	D-HANH	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC DỊU	P6	73	1	5		43	D-HANH	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	P6					105	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ THỊ CẨM THU	P6	74	1	3		57	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	21	30	255	1.417	15	6		
2	P5	0	0	0	0	0	1		
3	MRM	0	0	0	0	0	12		
TOTAL		21	30	255	1.417	15	19		
WEIGHT KG				255	1.417	15			

GRAND TOAL: 1.687 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/11/2022	TO: P8 - BK19 - BK21	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:05
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Dương - Linh - HIẾU -	ETA: 13:55
CAM - 3		N.Cương	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAI QUÂN	P8	92	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ QUANG THẮNG	P8	94-95	2	5		58	KH-THAC	Vietnamese
3	DƯƠNG TRI NAM	P8					84	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NHAN	P8	88	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU ĐỨC	P8	93	1	10	30	80	T-TIN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NAM	P8	86-87	2	15		70	YTE	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	P8	89	1	3		63	PSV	Vietnamese
8	HÀ VĂN THIÊN	P8	99	1	7		70	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TÙNG	P8	90	1	7		74	PSV	Vietnamese
10	PHẠM ANH TUÂN	P8	91	1	7		67	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU TOÀN	BK19	20	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG HUY	BK19	19	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ TRUNG TUÂN	BK19	23	1	12	30	74	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THƯỜNG	BK19	22	1	5		45	GETRACO	Vietnamese
15	KIEU TUÂN ANH	BK19	18	1	8		74	DK9	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC TUÂN	BK19	21	1	9		82	DK9	Vietnamese
17	TRẦN TRUNG HIẾU	BK21	10	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
18	HÀ XUÂN THANH	BK21	04-05	2	10		108	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẠO ĐỨC THAI	BK21	11	1	14	30	88	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ VĂN LINH	BK21	02-03	2	17		68	KH-THAC	Vietnamese
21	HÀ QUANG TRUNG	BK21	01	1	10	12	53	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN CAO MONG	BK21	08-09	2	7		55	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	10	11	67	684	30	6		CHUYEN 2 PAX BK19-BK21
2	BK19	6	6	52	417	30	3	2	
3	BK21	6	9	72	442	42	8		
TOTAL		22	26	191	1.543	102	17		
WEIGHT KG				191	1.543	102			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 12	TO: RP1 - VSP01 - P11	CREW: Hạnh - NPhú - MQUÂN - Tú	ETA: 14:00
MAU - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HIẾU	RP1	24	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TUẤN ANH	RP1	23	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VINH PHƯƠNG	RP1	25	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC TOÀN	RP1	26	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP01	98	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN THUY	VSP01					67	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ THANH TUẤN	VSP01	99	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THUƠNG HAI	VSP01	97	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	VSP01	67	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY ĐỒNG	VSP01	66	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN THANH LỢI	VSP01	96	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN THANH HÀ	VSP01	65	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN TÂN SANG	VSP01	91-92	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ XUÂN ĐỨC	VSP01	68	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VIỆT TÙNG	VSP01	61,800	2	13		56	KH-THAC	Vietnamese
16	TÀ HOÀI TRĂNG	VSP01	64	1	10		73	ANTOAN	Vietnamese
17	VŨ QUANG THANH	VSP01	94-95	2	10		68	YTE	Vietnamese
18	VŨ VĂN ĐIẾP	VSP01	69	1	6		69	PSV	Vietnamese
19	LÊ XUÂN HÀ	VSP01	90	1	5		56	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH QUÂN	VSP01	93	1	8		69	PSV	Vietnamese
21	HÀ THẾ BÌNH	VSP01	89	1	3		68	PSV	Vietnamese
22	LÊ VIỆT DŨNG	P11	25	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	4	4	24	280	0	0		
2	VSP01	17	19	115	1,137	0	17		
3	P11	1	1	5	67	0	1		
TOTAL		22	24	144	1,484	0	18		
WEIGHT KG				144	1,484	0			

GRAND TOAL: 1.628 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:20
FLIGHT: 13	TO: AMD - TGTH5 - TD5	CREW: HUNG - XTruong - Toan	ETA: 16:10
CAM-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HÙNG	AMD	97	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN LÊ DUY LÊ	AMD	17	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN GIA ĐỊNH	AMD	15-16	2	20		74	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN HÙNG	AMD	99,500	2	15		65	PSV	Vietnamese
5	PHAN VĂN HÒA	AMD	03-04	2	5		65	PSV	Vietnamese
6	PHẠM TUẤN THANH	AMD	98	1	4		76	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU BÌNH	AMD	96	1	6		57	PSV	Vietnamese
8	MAC XUÂN TRƯỞNG	AMD	13-14	2	18	75	72	PHATECO	Vietnamese
9	ĐÌNH HỮU TUẤN	AMD	05-06	2	16		67	PHATECO	Vietnamese
10	LÊ VIỆT QUỐC HUY	AMD	11-12	2	15		67	PHATECO	Vietnamese
11	NINH QUỐC KHÁNH	AMD	07-08	2	10		76	PHATECO	Vietnamese
12	TRẦN VĂN THUẬN	AMD	09-10	2	10		67	PHATECO	Vietnamese
13	HOANG ĐÌNH VINH	AMD	93-95	3	18		66	KH-THAC	Vietnamese
14	LÀ NGỌC MẠNH	AMD	92	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN THUY	AMD	19	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	18	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NGHĨA	TGTH5	26-27	2	13		62	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN MẠNH	TD5	76	1	14	15	70	DVL	Vietnamese
19	TRẦN CÔNG CHIẾN	TD5	37	1	17		82	DVL	Vietnamese
20	PHAN THIÊN SƠN	TD5	74	1	14		71	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	TD5	14-16	3	20		70	DVL	Vietnamese
22	PHAN ĐĂNG TUẤN	TD5	91	1	12		67	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	16	26	165	1,099	75	11		
2	TGTH5	1	2	13	62	0	5		
3	TD5	5	7	77	360	15	5		
TOTAL		22	35	255	1,521	90	21		
WEIGHT KG				255	1,521	90			

GRAND TOAL: 1.866 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/11/2022	TO: PVD1 - RP3 - BK14	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:25
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: Dương - Linh - HIẾU -	ETA: 16:15
VANG - 4		N.Cương	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI MINH TUÂN	PVD1	94	1	8		68	PSV	Vietnamese
2	LÊ TÁT VINH	PVD1	32	1	10		75	PSV	Vietnamese
3	LƯU NGỌC TRUNG	PVD1	33	1	10		61	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC HUY	PVD1	84	1	9	43	55	PSV	Vietnamese
5	BUI SỸ XUÂN	PVD1	82-83	2	15		60	PVDWS	Vietnamese
6	LÊ QUANG TIẾN	PVD1	81	1	8		71	PVD DD	Vietnamese
7	THAI VĂN QUÝ	PVD1	77-78	2	15		70	PVD	Vietnamese
8	TRẦN VĂN LAI	PVD1	79-80	2	15		62	PVD INVE\$	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THÊU	PVD1	17	1	10		64	PVD INVE\$	Vietnamese
10	CHU HOANG HAI	PVD1	85-86	2	10		56	PVD INVE\$	Vietnamese
11	NGUYỄN LÊ HỮU NGỌC	PVD1	95	1	10		58	PVD INVE\$	Vietnamese
12	VŨ HOANG	PVD1	87-88	2	15		66	PVD TRAIN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐĂNG HUNG	PVD1	89-90	2	15		62	DMC-MI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THANG	PVD1	46-47	2	20		66	PVD-BH	Vietnamese
15	DƯƠNG KHANH HOANG	PVD1	91-93	3	20		85	PVD-BH	Vietnamese
16	HOANG LINH	PVD1	39-40	2	15		65	PVD-BH	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HUY	PVD1	36	1	14		79	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH TAM	PVD1	38	1	15		77	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ CHÍ CÔNG	PVD1	37	1	10		52	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN DUY KHANH	PVD1	34-35	2	15		78	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN MẠNH CƯỜNG	PVD1	15-16	2	10		70	CODIEN	Vietnamese
22	DANG SU	PVD1	41-42	2	17		77	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	22	35	286	1.477	43	11	4	CHUYEN 1 PAX PVD1-BK14
2	RP3	0	0	0	0	20	7		
3	BK14	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	35	286	1.477	63	21		
WEIGHT KG				286	1.477	63			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 14:30
FLIGHT: 15	TO: P9 - TTC2 - CLO	CREW: Hạnh - NPhú - MQUÂN - Tú	ETA: 16:20
TRANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG MINH	P9	62	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	74	1	12		66	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	P9	63	1	14		82	DVL	Vietnamese
4	ĐOÀN MINH HƯƠNG	P9	70-71	2	14		60	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TIẾP	P9	72-73	2	20		78	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐŨNG	P9	66	1	14		58	DVL	Vietnamese
7	ĐÀO ANH HUYNH	P9	60-61	2	20		67	DVL	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐỨC THUỜNG	P9	67-69	3	15		75	DVL	Vietnamese
9	NGÔ THANH NAM	P9	64	1	18		66	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐĂNG THANH	P9	65	1	8		57	XAYLAP	Vietnamese
11	PHÙNG MINH HIẾU	TTC2					74	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯU VĂN AN	TTC2	23	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VĂN TUẤN	TTC2					55	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ PHƯƠNG	TTC2	38	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	TTC2	24	1	17		68	XAYLAP	Vietnamese
16	KOSTIKIN	TTC2	25	1	15		130	NIPI	Russian
17	LÊ TIẾN QUY	TTC2	39	1	5		71	PSV	Vietnamese
18	PHẠM TRUNG HIẾU	CLO	41-42	2	20	55	78	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM THAI SƠN	CLO	44-45	2	10	50	76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC HÙNG	CLO	43	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

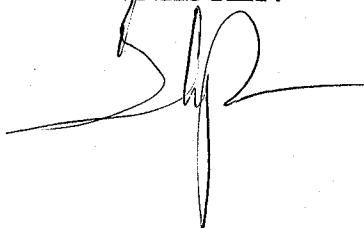
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	10	15	145	686	0	5		
2	TTC2	7	5	47	518	0	8		
3	CLO	3	5	40	224	105	5		
TOTAL		20	25	232	1.428	105	18		
WEIGHT KG				232	1.428	105			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

